

Bản án số: 278/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 12/12/2023

V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa:* Ông **NGUYỄN TRUNG TÍNH**
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **TRẦN TRUNG NHÂN**
2. Ông **VÕ VĂN CƯỜNG**
- *Thư ký phiên Tòa:* Ông **HỨA QUỐC THÁI** – Thư ký tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang:* Không tham gia phiên tòa.

Ngày 12 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 689/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2023 về việc tranh chấp “xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2023/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **NGUYỄN THỊ HỒNG T**, sinh năm 1986

Địa chỉ: ấp MCB, xã MH, huyện CB, tỉnh TG.

* Bị đơn: Anh **NGUYỄN THÀNH S**, sinh năm 1985

HKTT: Tổ 3, ấp 3, xã QĐ, huyện BC, thành phố HCM.

Địa chỉ: ấp MCB, xã MH, huyện CB, tỉnh TG.

(Chị T, anh S có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai và lời khai tại Toà, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng T trình bày:

Chị và anh S xác lập quan hệ vợ chồng năm 2003, không có đăng ký kết hôn do không am hiểu pháp luật, sau khi cưới về sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị là do vợ chồng bất đồng nhiều quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cự cãi nhau, anh S hay ghen tuông, nhiều lần đánh đập chị, chị nhiều lần khuyên can nhưng anh không sửa đổi, vợ chồng hàn gắn nhiều lần nhưng không thành nên đã ly thân nhau. Nay chị xin ly hôn anh S.

+ Về con chung : Anh chị có 03 con chung tên Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 27/9/2004, Nguyễn Ngọc Huỳnh G, sinh ngày 20/6/2014 và Nguyễn Thiện C, sinh ngày 18/5/2019. Cháu Đ đã trưởng thành, khi ly hôn chị yêu cầu nuôi cháu G và cháu C, chị không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Nguyễn Thành S trình bày:

Anh và chị T xác lập quan hệ chung sống năm 2003, đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn, chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì mâu thuẫn. Nguyên nhân theo anh là anh không muốn vợ anh giao lưu kết bạn với bạn bè bên ngoài, anh có nóng tính đánh

vợ anh vài lần. Vợ chồng hiện đã ly thân nhau.

Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 27/9/2004, Nguyễn Ngọc Huỳnh G, sinh ngày 20/6/2014 và Nguyễn Thiện C, sinh ngày 18/5/2019. Cháu Đ đã trưởng thành. Hai cháu G và C đang sống với chị T.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Nay anh không đồng ý ly hôn nếu tòa án giải quyết cho ly hôn, anh đồng ý để chị T nuôi 02 con chung, anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa các bên vẫn giữ ý kiến và yêu cầu như trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân : Chị T và anh S xác lập quan hệ vợ chồng năm 2003, không có đăng ký kết hôn do không am hiểu pháp luật, sau khi cưới về sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị T là do vợ chồng bất đồng nhiều quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cự cãi nhau, anh S hay ghen tuông, nhiều lần đánh đập chị, chị nhiều lần khuyên can nhưng anh sửa đổi, vợ chồng hàn gắn nhiều lần nhưng không thành nên đã ly thân nhau, nay chị xin ly hôn anh S. Còn phía anh S cũng xác định mâu thuẫn vợ chồng như chị T trình bày, anh có đánh vợ vài lần là do anh không muốn vợ anh kết bạn bên ngoài, nay anh xác định còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn.

Xét thấy chị T và anh S đã phát sinh mâu thuẫn kéo dài từ năm 2022 cho đến nay nhưng không hàn gắn đoàn tụ lại được, mặc khác trong thời gian chung sống với nhau từ năm 2003 cho đến nay anh, chị không có đăng ký kết hôn là vi phạm điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình nên tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh S là phù hợp theo quy định pháp luật.

[2] Về con chung: Anh chị có 03 con chung Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 27/9/2004, Nguyễn Ngọc Huỳnh G, sinh ngày 20/6/2014 và Nguyễn Thiện C, sinh ngày 18/5/2019, cháu Đ đã trưởng thành. Tại phiên tòa chị T vẫn giữ yêu cầu tiếp tục nuôi cháu G và C. Xét thấy từ khi chị T và anh S ly thân, cháu G và C do chị T nuôi dưỡng đã ổn định, hai cháu vẫn phát triển tốt bình thường cũng phù hợp theo đơn xin xác nhận về tình trạng nuôi con chung của chị T có xác nhận của ban quản lý ấp MCB, xã MH ngày 22/11/2023, phía anh S cũng có ý kiến nếu Tòa án giải quyết ly hôn, anh đồng ý để chị T nuôi 02 con chung, mặc khác qua tham khảo ý kiến của 02 con chung cũng mong muốn sống với chị T, do vậy hội đồng xét xử nhận thấy để tránh xáo trộn về mặt tâm sinh lý của 02 con chung và ổn định cuộc sống của 02 cháu nên tiếp tục giao 02 con chung cho chị T nuôi là phù hợp theo điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T xác định đủ khả năng nuôi 02 con, chị không yêu cầu anh S cấp dưỡng nên hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 9, 14, 15, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân:

Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Hồng T và anh Nguyễn Thành S.

2/ Về con chung:

Giao 02 con chung cháu Nguyễn Ngọc Huỳnh G, sinh ngày 20/6/2014 và Nguyễn Thiện C, sinh ngày 18/5/2019 cho chị T nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Thành S không phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

Anh Nguyễn Thành S được quyền thăm nom 02 con chung theo quy định của pháp luật, không ai được quyền cản trở.

3/ Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Hồng T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0014527 ngày 09/11/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè nên xem như chị đã thi hành xong và không phải nộp tiếp.

Về quyền kháng cáo: Chị T và anh S có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;;
- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi Cục THADS huyện Cái Bè;
- UBND xã Hòa Khánh;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN TRUNG TÍNH